

Số: 623/QĐ-CĐSL

Sơn La, ngày 12 tháng 09 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả học tập cho học sinh
khối trung cấp K58 học kỳ II tại cơ sở (đợt 2) năm học 2021 - 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTĐ ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội quy định về Điều lệ trường Cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 776/QĐ-CĐSL ngày 05/11/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp nhóm ngành giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 248/QĐ-CĐSL ngày 27/4/2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Cao đẳng Sơn La;

Căn cứ Biên bản số 85/BB-CĐSL ngày 09/9/2022 của Hội đồng xét công nhận kết quả học tập học kỳ II cho học sinh khối trung cấp K58 tại cơ sở (đợt 2);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả học tập học kỳ II cho 413 học sinh khối Trung cấp K58 tại cơ sở (đợt 2) năm học 2021 - 2022 của trường Cao đẳng Sơn La (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng: Đào tạo, Tổ chức - Hành chính, Kế hoạch - Tài chính, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Công tác học sinh sinh viên; các khoa của trường Cao đẳng Sơn La và những học sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Văn Minh

**DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KỲ II
KHỐI TRUNG CẤP K58 TẠI CƠ SỞ (ĐỢT 2) NĂM HỌC 2021-2022**

*(Ban hành kèm theo quyết định số: 623/QĐ- CĐSL ngày 12 tháng 09 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La)*

TT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Điểm TBHK(4) Hiện tại	Xếp hạng học kì II	Ghi chú
1	1358585010	Lò Văn Bó	TC Bảo vệ môi trường đô thị K58A - TC	2,33	Trung bình	
2	1358585002	Quảng Thị Chung	TC Bảo vệ môi trường đô thị K58A - TC	3,47	Giỏi	
3	1358585007	Cà Văn Cương	TC Bảo vệ môi trường đô thị K58A - TC	2,6	Khá	
4	1358585006	Lò Văn Cường	TC Bảo vệ môi trường đô thị K58A - TC	2,73	Khá	
5	1358585018	Lò Văn Cường	TC Bảo vệ môi trường đô thị K58A - TC	2,2	Trung bình	
6	1358585011	Bạc Cẩm Đức	TC Bảo vệ môi trường đô thị K58A - TC	2,47	Trung bình	
7	1358585020	Lò Văn Đức	TC Bảo vệ môi trường đô thị K58A - TC	2,33	Trung bình	
8	1358585005	Lò Kim Dương	TC Bảo vệ môi trường đô thị K58A - TC	2,13	Trung bình	
9	1358585004	Lò Văn Hiền	TC Bảo vệ môi trường đô thị K58A - TC	3,27	Giỏi	
10	1358585013	Lường Văn Hưng	TC Bảo vệ môi trường đô thị K58A - TC	2,47	Trung bình	
11	1358585012	Lò Văn Huỳnh	TC Bảo vệ môi trường đô thị K58A - TC	2	Trung bình	
12	1358585003	Lò Thanh Lâm	TC Bảo vệ môi trường đô thị K58A - TC	2,13	Trung bình	
13	1358585025	Quảng Văn Long	TC Bảo vệ môi trường đô thị K58A - TC	2,13	Trung bình	
14	1358585016	Lò Văn Mạnh	TC Bảo vệ môi trường đô thị K58A - TC	2,13	Trung bình	
15	1358585014	Cà Duy Minh	TC Bảo vệ môi trường đô thị K58A - TC	2,33	Trung bình	
16	1358585026	Lò Văn Minh	TC Bảo vệ môi trường đô thị K58A - TC	2	Trung bình	
17	1358585035	Lò Văn Minh	TC Bảo vệ môi trường đô thị K58A - TC	2,2	Trung bình	
18	1358585019	Lò Văn Như	TC Bảo vệ môi trường đô thị K58A - TC	2,2	Trung bình	
19	1358585024	Bạc Thị Nhượng	TC Bảo vệ môi trường đô thị K58A - TC	2,47	Trung bình	
20	1358585023	Cà Văn Phương	TC Bảo vệ môi trường đô thị K58A - TC	2,47	Trung bình	
21	1358585033	Lò Văn Quân	TC Bảo vệ môi trường đô thị K58A - TC	2,67	Khá	
22	1358585008	Lò Văn Quảng	TC Bảo vệ môi trường đô thị K58A - TC	2,07	Trung bình	
23	1358585021	Lò Văn Quý	TC Bảo vệ môi trường đô thị K58A - TC	1,73	Yếu	
24	1358585030	Lò Văn Quý	TC Bảo vệ môi trường đô thị K58A - TC	2,33	Trung bình	
25	1358585022	Lò Văn Quyết	TC Bảo vệ môi trường đô thị K58A - TC	2,13	Trung bình	
26	1358585009	Cà Văn Thắng	TC Bảo vệ môi trường đô thị K58A - TC	1,87	Yếu	
27	1358585034	Lò Văn Thành	TC Bảo vệ môi trường đô thị K58A - TC	1,93	Yếu	
28	1358585027	Lò Văn Thiện	TC Bảo vệ môi trường đô thị K58A - TC	2	Trung bình	
29	1358585017	Lường Văn Thiệp	TC Bảo vệ môi trường đô thị K58A - TC	2,07	Trung bình	
30	1358585001	Lò Thị Thiết	TC Bảo vệ môi trường đô thị K58A - TC	2,73	Khá	
31	1358585028	Lò Văn Trường	TC Bảo vệ môi trường đô thị K58A - TC	2,87	Khá	
32	1358585015	Quảng Văn Trường	TC Bảo vệ môi trường đô thị K58A - TC	2,33	Trung bình	
33	1358585036	Bạc Cẩm Tuấn	TC Bảo vệ môi trường đô thị K58A - TC	2,33	Trung bình	
34	1358585032	Quảng Văn Tuyền	TC Bảo vệ môi trường đô thị K58A - TC	2,47	Trung bình	
35	1358120078	Sùng Tuấn Anh	TC Chăn nuôi thú y K58C - QN	2,52	Khá	
36	1358120044	Tông Thị Chung	TC Chăn nuôi thú y K58C - QN	2,62	Khá	
37	1358120128	Lò Văn Cương	TC Chăn nuôi thú y K58C - QN	2,52	Khá	
38	1358120045	Lường Xuân Dân	TC Chăn nuôi thú y K58C - QN	2,19	Trung bình	
39	1358120046	Ấu Văn Du	TC Chăn nuôi thú y K58C - QN	2,71	Khá	
40	1358120049	Là Văn Đức	TC Chăn nuôi thú y K58C - QN	2,33	Trung bình	
41	1358120050	Lầu A Đức	TC Chăn nuôi thú y K58C - QN	2,43	Trung bình	
42	1358120047	Lò Khánh Duy	TC Chăn nuôi thú y K58C - QN	2,71	Khá	
43	1358120048	Lường Đức Duy	TC Chăn nuôi thú y K58C - QN	2,43	Trung bình	
44	1358120052	Lưu Thị Phước Hạnh	TC Chăn nuôi thú y K58C - QN	2,57	Khá	
45	1358120053	Lò Văn Hòa	TC Chăn nuôi thú y K58C - QN	2,43	Trung bình	

TT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Điểm TBHK(4) Hiện tại	Xếp hạng học kì II	Ghi chú
46	1358120054	Lường Văn Hồng	TC Chăn nuôi thú y K58C - QN	2,38	Trung bình	
47	1358120055	Tòng Văn Hùng	TC Chăn nuôi thú y K58C - QN	1,9	Yếu	
48	1358120057	Tòng Thị Hương	TC Chăn nuôi thú y K58C - QN	2,62	Khá	
49	1358120056	Bạc Cẩm Huy	TC Chăn nuôi thú y K58C - QN	2,19	Trung bình	
50	1358120058	Vì Thị Khuyên	TC Chăn nuôi thú y K58C - QN	2,71	Khá	
51	1358120059	Lò Văn Mạnh	TC Chăn nuôi thú y K58C - QN	2,43	Trung bình	
52	1358120060	Ngân Văn Ngọc	TC Chăn nuôi thú y K58C - QN	2,1	Trung bình	
53	1358120061	Bạc Cẩm Nhân	TC Chăn nuôi thú y K58C - QN	2,43	Trung bình	
54	1358120062	Lừ Văn Nhân	TC Chăn nuôi thú y K58C - QN	2,1	Trung bình	
55	1358120063	Quảng Văn Nhất	TC Chăn nuôi thú y K58C - QN	1,9	Yếu	
56	1358120064	Lò Thị Như	TC Chăn nuôi thú y K58C - QN	2,71	Khá	
57	1358120065	Phản Thị Phìn	TC Chăn nuôi thú y K58C - QN	2,71	Khá	
58	1358120066	Lò Minh Phú	TC Chăn nuôi thú y K58C - QN	2,1	Trung bình	
59	1358120067	Mê Văn Quốc	TC Chăn nuôi thú y K58C - QN	2,52	Khá	
60	1358120068	Lường Văn Tấn	TC Chăn nuôi thú y K58C - QN	1,81	Yếu	
61	1358120070	Lò Văn Thân	TC Chăn nuôi thú y K58C - QN	2,19	Trung bình	
62	1358120069	Lò Văn Thành	TC Chăn nuôi thú y K58C - QN	2,24	Trung bình	
63	1358120072	Lò Văn Thương	TC Chăn nuôi thú y K58C - QN	2	Trung bình	
64	1358120073	Lò Việt Tuyên	TC Chăn nuôi thú y K58C - QN	2,43	Trung bình	
65	1358120074	Quảng Văn Tuyền	TC Chăn nuôi thú y K58C - QN	2,38	Trung bình	
66	1358120075	Sùng Lồng Vàng	TC Chăn nuôi thú y K58C - QN	2,29	Trung bình	
67	1358120076	Tòng Văn Vinh	TC Chăn nuôi thú y K58C - QN	2,19	Trung bình	
68	1358120077	Lò Thị Xuân	TC Chăn nuôi thú y K58C - QN	2,62	Khá	
69	1358120085	Lò Văn Đại	TC Chăn nuôi thú y K58D - QN	2,29	Trung bình	
70	1358120086	Lò Văn Đệ	TC Chăn nuôi thú y K58D - QN	2	Trung bình	
71	1358120082	Quảng Văn Di	TC Chăn nuôi thú y K58D - QN	2,1	Trung bình	
72	1358120083	Lò Văn Dũng	TC Chăn nuôi thú y K58D - QN	1,9	Yếu	
73	1358120084	Lò Văn Duy	TC Chăn nuôi thú y K58D - QN	1,81	Yếu	
74	1358120089	Là Văn Hưng	TC Chăn nuôi thú y K58D - QN	2,48	Trung bình	
75	1358120129	Quảng Văn Khánh	TC Chăn nuôi thú y K58D - QN	2,1	Trung bình	
76	1358120130	Lù Văn Kiên	TC Chăn nuôi thú y K58D - QN	2,19	Trung bình	
77	1358120092	Lò Văn Long	TC Chăn nuôi thú y K58D - QN	2,1	Trung bình	
78	1358120095	Lò Trần Phú	TC Chăn nuôi thú y K58D - QN	2	Trung bình	
79	1358120097	Lò Văn Quan	TC Chăn nuôi thú y K58D - QN	2	Trung bình	
80	1358120098	Bạc Cẩm Quỳnh	TC Chăn nuôi thú y K58D - QN	2,1	Trung bình	
81	1358120099	Là Thị Quỳnh	TC Chăn nuôi thú y K58D - QN	2,29	Trung bình	
82	1358120100	Lò Văn Thái	TC Chăn nuôi thú y K58D - QN	1,9	Yếu	
83	1358120102	Lò Văn Thắng	TC Chăn nuôi thú y K58D - QN	2,48	Trung bình	
84	1358120101	Lò Văn Thành	TC Chăn nuôi thú y K58D - QN	2,19	Trung bình	
85	1358120104	Ấu Văn Thượng	TC Chăn nuôi thú y K58D - QN	2,1	Trung bình	
86	1358120106	Quảng Văn Trăn	TC Chăn nuôi thú y K58D - QN	2,29	Trung bình	
87	1358120105	Lù Thị Trang	TC Chăn nuôi thú y K58D - QN	2,29	Trung bình	
88	1358120107	Quảng Văn Tuấn	TC Chăn nuôi thú y K58D - QN	2	Trung bình	
89	1358120108	Lò Thị Tuệ	TC Chăn nuôi thú y K58D - QN	2,57	Khá	
90	1358120109	Lường Văn Tường	TC Chăn nuôi thú y K58D - QN	2	Trung bình	
91	1358120110	La Văn Vũ	TC Chăn nuôi thú y K58D - QN	1,81	Yếu	
92	1358120111	Lò Văn Xiên	TC Chăn nuôi thú y K58D - QN	2	Trung bình	
93	1358120112	Lò Văn Xuân	TC Chăn nuôi thú y K58D - QN	2	Trung bình	
94	1358709021	Lò Tuấn Anh	TC Công tác XH K58A - YC	1,38	Yếu	
95	1358709018	Hoàng Thị Ngọc Bích	TC Công tác XH K58A - YC	3	Khá	

TT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Điểm TBHK(4) Hiện tại	Xếp hạng học kì II	Ghi chú
96	1358709017	Vì Kiên Cường	TC Công tác XH K58A - YC	2,08	Trung bình	
97	1358709023	Vì Văn Đạt	TC Công tác XH K58A - YC	2,38	Trung bình	
98	1358709016	Sông Thị Dau	TC Công tác XH K58A - YC	1,62	Yếu	
99	1358709028	Vừ Lao Dềnh	TC Công tác XH K58A - YC	1,85	Yếu	
100	1358709011	Nguyễn Xuân Đức	TC Công tác XH K58A - YC	2,08	Trung bình	
101	1358709032	Lò Thị Giang	TC Công tác XH K58A - YC	2,69	Khá	
102	1358709033	Lò Văn Hải	TC Công tác XH K58A - YC	1,54	Yếu	
103	1358709019	Lò Đức Hiệp	TC Công tác XH K58A - YC	3	Khá	
104	1358709022	Quảng Văn Hiếu	TC Công tác XH K58A - YC	1,69	Yếu	
105	1358709013	Hà Thị Thu Hoài	TC Công tác XH K58A - YC	2,85	Khá	
106	1358709001	Lò Xuân Hoàng	TC Công tác XH K58A - YC	2,23	Trung bình	
107	1358709030	Mê Duy Hữu	TC Công tác XH K58A - YC	2,15	Trung bình	
108	1358709004	Lừ Quang Huy	TC Công tác XH K58A - YC	2,38	Trung bình	
109	1358709026	Quảng Văn Khải	TC Công tác XH K58A - YC	2,23	Trung bình	
110	1358709007	Đinh Thái Khang	TC Công tác XH K58A - YC	1,85	Yếu	
111	1358709035	Lừ Duy Khánh	TC Công tác XH K58A - YC	2,15	Trung bình	
112	1358709014	Lừ Duy Kiệt	TC Công tác XH K58A - YC	2,38	Trung bình	
113	1358709008	Lò Mạnh Luân	TC Công tác XH K58A - YC	2,54	Khá	
114	1358709015	Lò Trà Ly	TC Công tác XH K58A - YC	2,85	Khá	
115	1358709002	Mê Phương Ly	TC Công tác XH K58A - YC	1,77	Yếu	
116	1358709036	Quảng Thị Diễm Như	TC Công tác XH K58A - YC	2,85	Khá	
117	1358709024	Hoàng Văn Quyển	TC Công tác XH K58A - YC	2,31	Trung bình	
118	1358709003	Hoàng Mạnh Quỳnh	TC Công tác XH K58A - YC	2,31	Trung bình	
119	1358709006	Thào Sênh	TC Công tác XH K58A - YC	2	Trung bình	
120	1358709031	Nguyễn Hữu Thành	TC Công tác XH K58A - YC	0	Yếu	
121	1358709012	Quảng Văn Thoái	TC Công tác XH K58A - YC	2,23	Trung bình	
122	1358709005	Quảng Anh Tuấn	TC Công tác XH K58A - YC	1,85	Yếu	
123	1358714013	Lường Thị Ngọc Ánh	TC Hướng dẫn DL K58A - MC	2,15	Trung bình	
124	1358714011	Giàng A Chĩa	TC Hướng dẫn DL K58A - MC	2,77	Khá	
125	1358714037	Thào Thị Chu	TC Hướng dẫn DL K58A - MC	2,62	Khá	
126	1358714031	Hà Thị Đào	TC Hướng dẫn DL K58A - MC	2,69	Khá	
127	1358714032	Hà Mạnh Đông	TC Hướng dẫn DL K58A - MC	1,77	Yếu	
128	1358714009	Bàn Việt Đức	TC Hướng dẫn DL K58A - MC	2,15	Trung bình	
129	1358714007	Triệu Văn Dũng	TC Hướng dẫn DL K58A - MC	3,08	Khá	
130	1358714033	Giàng A Gư	TC Hướng dẫn DL K58A - MC	2,23	Trung bình	
131	1358714024	Hà Văn Hoàn	TC Hướng dẫn DL K58A - MC	2,62	Khá	
132	1358714035	Lường Tuấn Khanh	TC Hướng dẫn DL K58A - MC	2,15	Trung bình	
133	1358714025	Hoàng Đức Khiêm	TC Hướng dẫn DL K58A - MC	1,62	Yếu	
134	1358714036	Hà Thị Thu Lệ	TC Hướng dẫn DL K58A - MC	3	Khá	
135	1358714005	Nguyễn Đức Lịch	TC Hướng dẫn DL K58A - MC	2,54	Khá	
136	1358714016	Lý Bảo Long	TC Hướng dẫn DL K58A - MC	1,77	Yếu	
137	1358714012	Vì Văn Miên	TC Hướng dẫn DL K58A - MC	2,85	Khá	
138	1358714028	Mùi Phương Nam	TC Hướng dẫn DL K58A - MC	2,08	Trung bình	
139	1358714027	Vì Hải Nam	TC Hướng dẫn DL K58A - MC	2,23	Trung bình	
140	1358714034	Sông A Nánh	TC Hướng dẫn DL K58A - MC	2,92	Khá	
141	1358714030	Ngần Văn Nhân	TC Hướng dẫn DL K58A - MC	3,15	Khá	
142	1358714017	Hờ A Phênh	TC Hướng dẫn DL K58A - MC	3,15	Khá	
143	1358714022	Vì Minh Quân	TC Hướng dẫn DL K58A - MC	1,77	Yếu	
144	1358714015	Vì Văn Quý	TC Hướng dẫn DL K58A - MC	3,15	Khá	
145	1358714019	Mùa A Sâm	TC Hướng dẫn DL K58A - MC	3,31	Giỏi	

TT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Điểm TBHK(4) Hiện tại	Xếp hạng học kì II	Ghi chú
146	1358714026	Bàn Thị Thắm	TC Hướng dẫn DL K58A - MC	3,23	Giỏi	
147	1358714010	Vì Mạnh Thắng	TC Hướng dẫn DL K58A - MC	3	Khá	
148	1358714018	Bạc Xuân Thể	TC Hướng dẫn DL K58A - MC	2,46	Trung bình	
149	1358714006	Đinh Đức Thịnh	TC Hướng dẫn DL K58A - MC	1,62	Yếu	
150	1358714004	Hoàng Việt Tiến	TC Hướng dẫn DL K58A - MC	3,08	Khá	
151	1358714023	Thào A Trường	TC Hướng dẫn DL K58A - MC	3	Khá	
152	1358714020	Nguyễn Hùng Vĩ	TC Hướng dẫn DL K58A - MC	3,23	Giỏi	
153	1358702069	Đinh Công Ái	TC Kế toán DN K58B - PY	2,4	Trung bình	
154	1358702041	Phan Thị Vân Anh	TC Kế toán DN K58B - PY	3	Khá	
155	1358702047	Hoàng Thanh Bình	TC Kế toán DN K58B - PY	2,6	Khá	
156	1358702038	Thào Thị Dị	TC Kế toán DN K58B - PY	2,87	Khá	
157	1358702050	Hoàng Văn Đông	TC Kế toán DN K58B - PY	2,2	Trung bình	
158	1358702044	Hoàng Ngọc Dương	TC Kế toán DN K58B - PY	2,87	Khá	
159	1358702059	Đinh Văn Duy	TC Kế toán DN K58B - PY	1,87	Yếu	
160	1358702040	Nguyễn Đức Duy	TC Kế toán DN K58B - PY	2,73	Khá	
161	1358702049	Nguyễn Hoàng Giang	TC Kế toán DN K58B - PY	2,6	Khá	
162	1358702054	Nguyễn Thị Hà	TC Kế toán DN K58B - PY	2,73	Khá	
163	1358702065	Lù Thị Hằng	TC Kế toán DN K58B - PY	2,87	Khá	
164	1358702042	Lò Trung Hậu	TC Kế toán DN K58B - PY	2,6	Khá	
165	1358702068	Đinh Công Hiếu	TC Kế toán DN K58B - PY	2,87	Khá	
166	1358702063	Lò Văn Hiếu	TC Kế toán DN K58B - PY	2,47	Trung bình	
167	1358702066	Hoàng Quốc Hiệu	TC Kế toán DN K58B - PY	2,33	Trung bình	
168	1358702046	Hoàng Anh Khoa	TC Kế toán DN K58B - PY	2,2	Trung bình	
169	1358702053	Hoàng Hải Khương	TC Kế toán DN K58B - PY	2,47	Trung bình	
170	1358702060	Đinh Tiến Lực	TC Kế toán DN K58B - PY	2,33	Trung bình	
171	1358702045	Phan Văn Minh	TC Kế toán DN K58B - PY	2,2	Trung bình	
172	1358702056	Và Thị Nhi Na	TC Kế toán DN K58B - PY	0,93	Yếu	
173	1358702064	Sầm Đại Nguyên	TC Kế toán DN K58B - PY	2,33	Trung bình	
174	1358702039	Lường Thị Yến Nhi	TC Kế toán DN K58B - PY	3	Khá	
175	1358702037	Sầm Thị Lâm Nhi	TC Kế toán DN K58B - PY	2,87	Khá	
176	1358702051	Lường Hoàng Phú	TC Kế toán DN K58B - PY	2,87	Khá	
177	1358702048	Đinh Minh Quân	TC Kế toán DN K58B - PY	2,6	Khá	
178	1358702043	Đinh Anh Quốc	TC Kế toán DN K58B - PY	2,47	Trung bình	
179	1358702036	Phàng A Sòng	TC Kế toán DN K58B - PY	2,6	Khá	
180	1358702071	Đinh Quốc Thành	TC Kế toán DN K58B - PY	2,07	Trung bình	
181	1358702061	Đinh Văn Thế	TC Kế toán DN K58B - PY	2,47	Trung bình	
182	1358702055	Vì Đức Thịnh	TC Kế toán DN K58B - PY	2,47	Trung bình	
183	1358702058	Đinh Văn Thuân	TC Kế toán DN K58B - PY	2,87	Khá	
184	1358702070	Nguyễn Trí Thức	TC Kế toán DN K58B - PY	2,07	Trung bình	
185	1358702057	Hoàng Thu Trang	TC Kế toán DN K58B - PY	2,87	Khá	
186	1358702067	Nông Quốc Tú	TC Kế toán DN K58B - PY	2,2	Trung bình	
187	1358702062	Nguyễn Anh Tuấn	TC Kế toán DN K58B - PY	2,87	Khá	
188	1358702052	Hoàng Đức Vũ	TC Kế toán DN K58B - PY	3	Khá	
189	1358718040	Lò Đức Bin	TC Lâm sinh K58B - MS	2,13	Trung bình	
190	1358718062	Lý A Chênh	TC Lâm sinh K58B - MS	2,73	Khá	
191	1358718053	Cầm Văn Dũng	TC Lâm sinh K58B - MS	2,13	Trung bình	
192	1358718044	Cầm Văn Hưng	TC Lâm sinh K58B - MS	2,27	Trung bình	
193	1358718050	Cầm Văn Huỳnh	TC Lâm sinh K58B - MS	2,27	Trung bình	
194	1358718038	Mùa A Khoa	TC Lâm sinh K58B - MS	2,27	Trung bình	
195	1358718056	Lý A Chận	TC Lâm sinh K58B - MS	2,47	Trung bình	

TT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Điểm TBHK(4) Hiện tại	Xếp hạng học kì II	Ghi chú
196	1358718066	Sông A Chiến	TC Lâm sinh K58B - MS	2,6	Khá	
197	1358718049	Cà Văn Chuyên	TC Lâm sinh K58B - MS	2,4	Trung bình	
198	1358718037	Lò Văn Đại	TC Lâm sinh K58B - MS	2	Trung bình	
199	1358718069	Lù A Dê	TC Lâm sinh K58B - MS	2,47	Trung bình	
200	1358718054	Hà Văn Điệp	TC Lâm sinh K58B - MS	2,47	Trung bình	
201	1358718068	Mùa A Dừa	TC Lâm sinh K58B - MS	1,87	Yếu	
202	1358718059	Vàng A Hồ	TC Lâm sinh K58B - MS	2,27	Trung bình	
203	1358718057	Lừ Văn Hưng	TC Lâm sinh K58B - MS	2,6	Khá	
204	1358718039	Lường Đức Huy	TC Lâm sinh K58B - MS	2,47	Trung bình	
205	1358718065	Cút Văn Khánh	TC Lâm sinh K58B - MS	2,33	Trung bình	
206	1358718107	Hà Văn Khánh	TC Lâm sinh K58B - MS	2,13	Trung bình	
207	1358718070	Lường Trường Lâm	TC Lâm sinh K58B - MS	2,27	Trung bình	
208	1358718058	Sông A Lanh	TC Lâm sinh K58B - MS	2,87	Khá	
209	1358718036	Quảng Thị Minh	TC Lâm sinh K58B - MS	2,87	Khá	
210	1358718048	Lý A Phặng	TC Lâm sinh K58B - MS	2,6	Khá	
211	1358718041	Giàng A Phúc	TC Lâm sinh K58B - MS	2,13	Trung bình	
212	1358718106	Sông A Pó	TC Lâm sinh K58B - MS	1,87	Yếu	
213	1358718042	Hà Văn Quyền	TC Lâm sinh K58B - MS	2,13	Trung bình	
214	1358718047	Quảng Văn Quyền	TC Lâm sinh K58B - MS	2,4	Trung bình	
215	1358718052	Sùng A Sênh	TC Lâm sinh K58B - MS	2,73	Khá	
216	1358718067	Chư Thị Sua	TC Lâm sinh K58B - MS	2,6	Khá	
217	1358718051	Quảng Văn Tiệp	TC Lâm sinh K58B - MS	2,27	Trung bình	
218	1358718046	Giàng A Tình	TC Lâm sinh K58B - MS	2,47	Trung bình	
219	1358718061	Lèo Đức Tôn	TC Lâm sinh K58B - MS	2,73	Khá	
220	1358718060	Mùa A Tổng	TC Lâm sinh K58B - MS	2,13	Trung bình	
221	1358718045	Hà Việt Tuyển	TC Lâm sinh K58B - MS	2,27	Trung bình	
222	1358718055	Vì Minh Vũ	TC Lâm sinh K58B - MS	2	Trung bình	
223	1358718075	Mùa Tuấn Anh	TC Lâm sinh K58C - BY	2,4	Trung bình	
224	1358718084	Giàng A Chang	TC Lâm sinh K58C - BY	2,53	Khá	
225	1358718073	Thào A Chia	TC Lâm sinh K58C - BY	2,87	Khá	
226	1358718104	Tráng A Chồng	TC Lâm sinh K58C - BY	2	Trung bình	
227	1358718100	Mùa Pà Chua	TC Lâm sinh K58C - BY	2,4	Trung bình	
228	1358718101	Mùa A Cửa	TC Lâm sinh K58C - BY	2,4	Trung bình	
229	1358718081	Đình Văn Đích	TC Lâm sinh K58C - BY	1,73	Yếu	
230	1358718095	Đình Văn Đình	TC Lâm sinh K58C - BY	1,6	Yếu	
231	1358718094	Thào A Giao	TC Lâm sinh K58C - BY	2,4	Trung bình	
232	1358718105	Thào A Giồng	TC Lâm sinh K58C - BY	2,13	Trung bình	
233	1358718099	Lò Thu Hằng	TC Lâm sinh K58C - BY	2,73	Khá	
234	1358718093	Đình Văn Hành	TC Lâm sinh K58C - BY	2,27	Trung bình	
235	1358718103	Thào A Lu	TC Lâm sinh K58C - BY	1,87	Yếu	
236	1358718074	Đặng Văn Mừng	TC Lâm sinh K58C - BY	2,27	Trung bình	
237	1358718098	Phàng A Nhia	TC Lâm sinh K58C - BY	1,93	Yếu	
238	1358718077	Hạng A Ninh	TC Lâm sinh K58C - BY	2	Trung bình	
239	1358718085	Thào A Phía	TC Lâm sinh K58C - BY	1,8	Yếu	
240	1358718086	Mùa A Phứ	TC Lâm sinh K58C - BY	2	Trung bình	
241	1358718078	Thào A Sênh	TC Lâm sinh K58C - BY	2	Trung bình	
242	1358718080	Vàng A Sênh	TC Lâm sinh K58C - BY	2,53	Khá	
243	1358718102	Giàng Thị So	TC Lâm sinh K58C - BY	3	Khá	
244	1358718072	Giàng A Son	TC Lâm sinh K58C - BY	1,6	Yếu	
245	1358718090	Lò Xuân Thành	TC Lâm sinh K58C - BY	1,73	Yếu	

TT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Điểm TBHK(4) Hiện tại	Xếp hạng học kì II	Ghi chú
246	1358718071	Vì Văn Thùy	TC Lâm sinh K58C - BY	2,53	Khá	
247	1358718108	Sông A Tiên	TC Lâm sinh K58C - BY	1,87	Yếu	
248	1358718079	Đinh Quốc Toàn	TC Lâm sinh K58C - BY	2,27	Trung bình	
249	1358718088	Hạng Găng Tổng	TC Lâm sinh K58C - BY	1,87	Yếu	
250	1358718082	Sông A Tủa	TC Lâm sinh K58C - BY	2,4	Trung bình	
251	1358718096	Thào Lao Tủa	TC Lâm sinh K58C - BY	2,27	Trung bình	
252	1358718087	Đinh Văn Ước	TC Lâm sinh K58C - BY	2	Trung bình	
253	1358718076	Đinh Thị Vươn	TC Lâm sinh K58C - BY	3,13	Khá	
254	1358534048	Lò Văn Bình	TC Nghiệp vụ bán hàng K58B - QN	2,6	Khá	
255	1358534040	Tòng Văn Bình	TC Nghiệp vụ bán hàng K58B - QN	2,53	Khá	
256	1358534030	Lường Văn Châu	TC Nghiệp vụ bán hàng K58B - QN	2,53	Khá	
257	1358534044	Lò Văn Cường	TC Nghiệp vụ bán hàng K58B - QN	2,27	Trung bình	
258	1358534049	Lường Văn Định	TC Nghiệp vụ bán hàng K58B - QN	1,67	Yếu	
259	1358534037	Cà Quang Doãn	TC Nghiệp vụ bán hàng K58B - QN	2,73	Khá	
260	1358534042	Lò Văn Duy	TC Nghiệp vụ bán hàng K58B - QN	1,53	Yếu	
261	1358534056	Lường Đức Duy	TC Nghiệp vụ bán hàng K58B - QN	2,4	Trung bình	
262	1358534051	Cà Văn Duyên	TC Nghiệp vụ bán hàng K58B - QN	2,13	Trung bình	
263	1358534057	Lò Văn Giang	TC Nghiệp vụ bán hàng K58B - QN	2	Trung bình	
264	1358534031	Lò Thị Hải	TC Nghiệp vụ bán hàng K58B - QN	2,87	Khá	
265	1358534036	Lò Thị Hoàn	TC Nghiệp vụ bán hàng K58B - QN	2,6	Khá	
266	1358534061	Lò Văn Khởi	TC Nghiệp vụ bán hàng K58B - QN	2,87	Khá	
267	1358534034	Hoàng Văn Kiên	TC Nghiệp vụ bán hàng K58B - QN	2,6	Khá	
268	1358534062	Lò Văn Lâm	TC Nghiệp vụ bán hàng K58B - QN	2,47	Trung bình	
269	1358534063	Lò Tuấn Linh	TC Nghiệp vụ bán hàng K58B - QN	2,53	Khá	
270	1358534066	Lò Văn Lương	TC Nghiệp vụ bán hàng K58B - QN	2,6	Khá	
271	1358534052	Lò Văn Mạnh	TC Nghiệp vụ bán hàng K58B - QN	2,67	Khá	
272	1358534054	Mê Tuấn Minh	TC Nghiệp vụ bán hàng K58B - QN	2,47	Trung bình	
273	1358534055	Hoàng Thị Ngân	TC Nghiệp vụ bán hàng K58B - QN	2	Trung bình	
274	1358534065	Cà Văn Nhật	TC Nghiệp vụ bán hàng K58B - QN	2,73	Khá	
275	1358534046	Phản Thị Phin	TC Nghiệp vụ bán hàng K58B - QN	3,13	Khá	
276	1358534050	Lường Minh Quang	TC Nghiệp vụ bán hàng K58B - QN	2,53	Khá	
277	1358534043	Hoàng Văn Quyển	TC Nghiệp vụ bán hàng K58B - QN	1,53	Yếu	
278	1358534060	Lò Văn Sơn	TC Nghiệp vụ bán hàng K58B - QN	2,53	Khá	
279	1358534035	Lường Văn Thái	TC Nghiệp vụ bán hàng K58B - QN	2,73	Khá	
280	1358534047	Hoàng Văn Thảo	TC Nghiệp vụ bán hàng K58B - QN	2,87	Khá	
281	1358534033	Tòng Minh Tuyền	TC Nghiệp vụ bán hàng K58B - QN	2,27	Trung bình	
282	1358534081	Hoàng Văn Quảng	TC Nghiệp vụ bán hàng K58C - MS	2	Trung bình	
283	1358534080	Mùa A Cang	TC Nghiệp vụ bán hàng K58C - MS	2	Trung bình	
284	1358534096	Cà Văn Chung	TC Nghiệp vụ bán hàng K58C - MS	2,27	Trung bình	
285	1358534083	Tòng Văn Cường	TC Nghiệp vụ bán hàng K58C - MS	1,07	Yếu	
286	1358534071	Tòng Văn Điệp	TC Nghiệp vụ bán hàng K58C - MS	2,47	Trung bình	
287	1358534079	Tòng Văn Dương	TC Nghiệp vụ bán hàng K58C - MS	2,4	Trung bình	
288	1358534086	Quảng Văn Duy	TC Nghiệp vụ bán hàng K58C - MS	2,6	Khá	
289	1358534101	Lò Mạnh Duy	TC Nghiệp vụ bán hàng K58C - MS	2	Trung bình	
290	1358534093	Cầm Văn Hạo	TC Nghiệp vụ bán hàng K58C - MS	2,27	Trung bình	
291	1358534088	Quảng Văn Huân	TC Nghiệp vụ bán hàng K58C - MS	2	Trung bình	
292	1358534067	Tòng Da Hưng	TC Nghiệp vụ bán hàng K58C - MS	2,87	Khá	
293	1358534089	Lò Văn Huỳnh	TC Nghiệp vụ bán hàng K58C - MS	2,6	Khá	
294	1358534077	Lò Văn Khải	TC Nghiệp vụ bán hàng K58C - MS	2,67	Khá	
295	1358534087	Lầm Quốc Khánh	TC Nghiệp vụ bán hàng K58C - MS	2,73	Khá	

TT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Điểm TBHK(4) Hiện tại	Xếp hạng học kì II	Ghi chú
296	1358534085	Lèo Chung Khánh	TC Nghiệp vụ bán hàng K58C - MS	2,67	Khá	
297	1358534069	Lò Văn Linh	TC Nghiệp vụ bán hàng K58C - MS	2,13	Trung bình	
298	1358534098	Quảng Hải Long	TC Nghiệp vụ bán hàng K58C - MS	2,27	Trung bình	
299	1358534097	Quảng Văn Long	TC Nghiệp vụ bán hàng K58C - MS	2,13	Trung bình	
300	1358534078	Tông Văn Lương	TC Nghiệp vụ bán hàng K58C - MS	3	Khá	
301	1358534073	Lường Văn Ngọc	TC Nghiệp vụ bán hàng K58C - MS	2,6	Khá	
302	1358534076	Mùa A Nụ	TC Nghiệp vụ bán hàng K58C - MS	2	Trung bình	
303	1358534094	Mùa A Pó	TC Nghiệp vụ bán hàng K58C - MS	2,6	Khá	
304	1358534095	Tông Ngọc Quang	TC Nghiệp vụ bán hàng K58C - MS	2,27	Trung bình	
305	1358534075	Tông Văn Quang	TC Nghiệp vụ bán hàng K58C - MS	2,6	Khá	
306	1358534091	Hà Văn Quyền	TC Nghiệp vụ bán hàng K58C - MS	2,53	Khá	
307	13585340104	Lò Văn Quyền	TC Nghiệp vụ bán hàng K58C - MS	3	Khá	
308	1358534099	Hồ A Sơn	TC Nghiệp vụ bán hàng K58C - MS	2,6	Khá	
309	1358534074	Lò Đức Sơn	TC Nghiệp vụ bán hàng K58C - MS	2,2	Trung bình	
310	1358534068	Tông Văn Tài	TC Nghiệp vụ bán hàng K58C - MS	2,47	Trung bình	
311	1358534100	Lò Nhật Tân	TC Nghiệp vụ bán hàng K58C - MS	2,53	Khá	
312	1358534072	Lò Văn Thanh	TC Nghiệp vụ bán hàng K58C - MS	2	Trung bình	
313	1358534090	Lường Văn Thành	TC Nghiệp vụ bán hàng K58C - MS	2,4	Trung bình	
314	1358534103	Tông Văn Thành	TC Nghiệp vụ bán hàng K58C - MS	2,47	Trung bình	
315	1358534084	Lò Chí Thúc	TC Nghiệp vụ bán hàng K58C - MS	2,6	Khá	
316	1358534092	Lèo Đức Trọng	TC Nghiệp vụ bán hàng K58C - MS	3,13	Khá	
317	1358534082	Tông Văn Tuyền	TC Nghiệp vụ bán hàng K58C - MS	1,07	Yếu	
318	1358538043	Lò Tuấn Anh	TC PL về QLHC công K58B - TC	2,69	Khá	
319	1358538049	Lò Văn Chung	TC PL về QLHC công K58B - TC	2,46	Trung bình	
320	1358538054	Cà Văn Đập	TC PL về QLHC công K58B - TC	2,38	Trung bình	
321	1358538052	Quảng Văn Đạt	TC PL về QLHC công K58B - TC	2,46	Trung bình	
322	1358538065	Vì Bảo Diệp	TC PL về QLHC công K58B - TC	2,38	Trung bình	
323	1358538032	Lò Văn Đông	TC PL về QLHC công K58B - TC	2,54	Khá	
324	1358538034	Bạc cầm Dũng	TC PL về QLHC công K58B - TC	2,31	Trung bình	
325	1358538050	Lù Văn Dương	TC PL về QLHC công K58B - TC	2,54	Khá	
326	1358538048	Lò Văn Hoàng	TC PL về QLHC công K58B - TC	2,54	Khá	
327	1358538051	Lò Văn Hoàng	TC PL về QLHC công K58B - TC	2,85	Khá	
328	1358538062	Nguyễn Huy Hoàng	TC PL về QLHC công K58B - TC	2,31	Trung bình	
329	1358538059	Lò Văn Huy	TC PL về QLHC công K58B - TC	2,38	Trung bình	
330	1358538053	Là Văn Khởi	TC PL về QLHC công K58B - TC	2,15	Trung bình	
331	1358538042	Cà Văn Long	TC PL về QLHC công K58B - TC	2,46	Trung bình	
332	1358538046	Cà Văn Mạnh	TC PL về QLHC công K58B - TC	2,46	Trung bình	
333	1358538055	Cà Văn Ngân	TC PL về QLHC công K58B - TC	2,38	Trung bình	
334	1358538037	Lò Văn Nghiệp	TC PL về QLHC công K58B - TC	2,69	Khá	
335	1358538033	Quảng Văn Nghiệp	TC PL về QLHC công K58B - TC	2,46	Trung bình	
336	1358538038	Lò Văn Nguyên	TC PL về QLHC công K58B - TC	2,46	Trung bình	
337	1358538061	Quảng Văn Nhất	TC PL về QLHC công K58B - TC	2,69	Khá	
338	1358538035	Lường Văn Như	TC PL về QLHC công K58B - TC	2,54	Khá	
339	1358538039	Quảng Văn Phong	TC PL về QLHC công K58B - TC	2,69	Khá	
340	1358538036	Lù Văn Phúc	TC PL về QLHC công K58B - TC	2,15	Trung bình	
341	1358538047	Mao Thị Kim Phụng	TC PL về QLHC công K58B - TC	3	Khá	
342	1358538063	Lò Văn Quân	TC PL về QLHC công K58B - TC	2,38	Trung bình	
343	1358538044	Quảng Văn Thắng	TC PL về QLHC công K58B - TC	2	Trung bình	
344	1358538031	Lường Mạnh Thủy	TC PL về QLHC công K58B - TC	1,69	Yếu	
345	1358538045	Tông Văn Trường	TC PL về QLHC công K58B - TC	2,46	Trung bình	

TT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Điểm TBHK(4) Hiện tại	Xếp hạng học kì II	Ghi chú
346	1358538064	Cà Văn Tuấn	TC PL về QLHC công K58B - TC	2	Trung bình	
347	1358538058	Lù Văn Tuấn	TC PL về QLHC công K58B - TC	2,31	Trung bình	
348	1358538040	Quảng Văn Tuyển	TC PL về QLHC công K58B - TC	2,62	Khá	
349	1358111044	Vàng A Bại	TC Trồng trọt & BVTV K58B - SM	2,72	Khá	
350	1358111047	Sộng Thị Cau	TC Trồng trọt & BVTV K58B - SM	3	Khá	
351	1358111054	Vừ A Chia	TC Trồng trọt & BVTV K58B - SM	2,56	Khá	
352	1358111040	Sộng A Chiên	TC Trồng trọt & BVTV K58B - SM	2,89	Khá	
353	1358111046	Hồ A Chư	TC Trồng trọt & BVTV K58B - SM	2,11	Trung bình	
354	1358111064	Vừ A Công	TC Trồng trọt & BVTV K58B - SM	2,5	Khá	
355	1358111055	Vạ A Đại	TC Trồng trọt & BVTV K58B - SM	2,44	Trung bình	
356	1358111045	Giàng A Đại	TC Trồng trọt & BVTV K58B - SM	2,83	Khá	
357	1358111052	Vàng Thị Dật	TC Trồng trọt & BVTV K58B - SM	3,28	Giỏi	
358	1358111043	Vàng Thị Dí	TC Trồng trọt & BVTV K58B - SM	2,56	Khá	
359	1358111057	Tòng Thị Diên	TC Trồng trọt & BVTV K58B - SM	2,89	Khá	
360	1358111042	Vừ A Định	TC Trồng trọt & BVTV K58B - SM	2,17	Trung bình	
361	1358111067	Và A Ênh	TC Trồng trọt & BVTV K58B - SM	1,78	Yếu	
362	1358111063	Hồ A Hay	TC Trồng trọt & BVTV K58B - SM	2,56	Khá	
363	1358111039	Vừ A Hùng	TC Trồng trọt & BVTV K58B - SM	2,83	Khá	
364	1358111066	Quảng Thị Kim	TC Trồng trọt & BVTV K58B - SM	3,22	Giỏi	
365	1358111059	Sộng A Lại	TC Trồng trọt & BVTV K58B - SM	2,89	Khá	
366	1358111060	Thào Thị Ly	TC Trồng trọt & BVTV K58B - SM	3,06	Khá	
367	1358111058	Giàng Thị Man	TC Trồng trọt & BVTV K58B - SM	3,39	Giỏi	
368	1358111065	Vừ A Mạnh	TC Trồng trọt & BVTV K58B - SM	2,61	Khá	
369	1358111049	Vàng Cha Mệnh	TC Trồng trọt & BVTV K58B - SM	2,28	Trung bình	
370	1358111051	Giàng A Minh	TC Trồng trọt & BVTV K58B - SM	2,44	Trung bình	
371	1358111062	Vì Thế Minh	TC Trồng trọt & BVTV K58B - SM	2,5	Khá	
372	1358111035	Giàng Thị Mua	TC Trồng trọt & BVTV K58B - SM	2,72	Khá	
373	1358111069	Vàng A Mua	TC Trồng trọt & BVTV K58B - SM	2,33	Trung bình	
374	1358111053	Vì Văn Nam	TC Trồng trọt & BVTV K58B - SM	2,11	Trung bình	
375	1358111036	Sùng Thị Nếnh	TC Trồng trọt & BVTV K58B - SM	2,72	Khá	
376	1358111050	Lò Văn Nghĩa	TC Trồng trọt & BVTV K58B - SM	2	Trung bình	
377	1358111034	Sồng Thị Sênh	TC Trồng trọt & BVTV K58B - SM	3,06	Khá	
378	1358111038	Giàng A Sùng	TC Trồng trọt & BVTV K58B - SM	2,83	Khá	
379	1358111037	Quảng Ngọc Thom	TC Trồng trọt & BVTV K58B - SM	2,33	Trung bình	
380	1358111041	Vì Văn Tiện	TC Trồng trọt & BVTV K58B - SM	2,5	Khá	
381	1358111056	Giàng A Tri	TC Trồng trọt & BVTV K58B - SM	2,61	Khá	
382	1358111068	Và A Trường	TC Trồng trọt & BVTV K58B - SM	2,5	Khá	
383	1358111048	Lò Văn Văn	TC Trồng trọt & BVTV K58B - SM	2,5	Khá	
384	1358111061	Mùa A Vừ	TC Trồng trọt & BVTV K58B - SM	2,72	Khá	
385	1358707049	Giàng A Ba	TC Văn thư hành chính K58B - ML	2,67	Khá	
386	1358707064	Vạ A Cha	TC Văn thư hành chính K58B - ML	3	Khá	
387	1358707065	Ly A Chái	TC Văn thư hành chính K58B - ML	2,83	Khá	
388	1358707052	Mùa A Chênh	TC Văn thư hành chính K58B - ML	2,83	Khá	
389	1358707042	Giàng A Chổng	TC Văn thư hành chính K58B - ML	3	Khá	
390	1358707043	Ly Thị Công	TC Văn thư hành chính K58B - ML	3	Khá	
391	1358707057	Cứ A Da	TC Văn thư hành chính K58B - ML	3	Khá	
392	1358707039	Lường Văn Điệp	TC Văn thư hành chính K58B - ML	3	Khá	
393	1358707060	Vàng Thị Dơ	TC Văn thư hành chính K58B - ML	1,67	Yếu	
394	1358707058	Giàng Thị Đông	TC Văn thư hành chính K58B - ML	3	Khá	
395	1358707062	Thào Thị Dữ	TC Văn thư hành chính K58B - ML	3	Khá	

TT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Điểm TBHK(4) Hiện tại	Xếp hạng học kì II	Ghi chú
396	1358707036	Lò Thị Duy	TC Văn thư hành chính K58B - ML	2,83	Khá	
397	1358707054	Cà Thị Hà	TC Văn thư hành chính K58B - ML	3	Khá	
398	1358707034	Lầu Thị Hoa	TC Văn thư hành chính K58B - ML	2,67	Khá	
399	1358707031	Tông Thị Lan Hương	TC Văn thư hành chính K58B - ML	3	Khá	
400	1358707048	Lò Văn Khánh	TC Văn thư hành chính K58B - ML	3	Khá	
401	1358707037	Hàng Thị Ly	TC Văn thư hành chính K58B - ML	2,83	Khá	
402	1358707046	Vàng Thị Máy	TC Văn thư hành chính K58B - ML	3	Khá	
403	1358707041	Hàng Thị Mú	TC Văn thư hành chính K58B - ML	2,83	Khá	
404	1358707051	Lầu A Sinh	TC Văn thư hành chính K58B - ML	2,5	Khá	
405	1358707053	Ly Thị Ta	TC Văn thư hành chính K58B - ML	3	Khá	
406	1358707033	Vạ Thị Tề	TC Văn thư hành chính K58B - ML	2,83	Khá	
407	1358707061	Phàng A Thăm	TC Văn thư hành chính K58B - ML	3	Khá	
408	1358707056	Lầu A Thanh	TC Văn thư hành chính K58B - ML	2,5	Khá	
409	1358707066	Quảng Thị Thanh	TC Văn thư hành chính K58B - ML	3	Khá	
410	1358707038	Lò Thị Thảo	TC Văn thư hành chính K58B - ML	3	Khá	
411	1358707059	Phàng A Thư	TC Văn thư hành chính K58B - ML	2,83	Khá	
412	1358707045	Lèo Thị Vân	TC Văn thư hành chính K58B - ML	2,67	Khá	
413	1358707047	Lò Văn Việt	TC Văn thư hành chính K58B - ML	3	Khá	

Tổng số: 413 học sinh

Trong đó: Giỏi: 08; Khá: 170; Trung bình: 190; Yếu: 45.